

Bản án số: 411/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/12/2024

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Hương Nhu**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Thanh**

Bà **Vũ Thị Dung**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 443/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 530/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1982;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Hàn Quốc.

Người được anh Q ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999; địa chỉ: Số B, ngõ D D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Đ1**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Anh Q, chị Đ1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Đ1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn ngày 22/11/2002. Năm 2006, anh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa

hợp, năm 2011 anh tiếp tục đi lao động tại Hàn Quốc, vợ chồng sống xa nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Anh chị đã tìm nhiều biện pháp hàn gắn và được hai bên gia đình động viên khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân hơn 10 năm nay, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thu T, sinh ngày 26/11/2003, hiện con đã trưởng thành và có công việc ổn định nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thống nhất thỏa thuận nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh đang lao động tại Hàn Quốc, anh ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Đ thay anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai, chị Nguyễn Thị Đ1 trình bày: Điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn giữa chị và anh Q đúng như anh Q đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2006 anh Q đi lao động tại Hàn Quốc, năm 2009 mẹ con chị chuyển về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu anh Q vẫn liên lạc về nhà cho mẹ con chị, từ năm 2011 - 2012 anh ít liên lạc về hơn và chị phát hiện anh có người phụ nữ khác ở bên ngoài nên không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị và gia đình nhiều lần lựa lời khuyên bảo nhưng anh không thay đổi, chị khuyên anh về nước để vợ chồng đoàn tụ nuôi con nhưng anh không về. Nay chị xác định vợ chồng sống ly thân thời gian 18 năm, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và không còn, anh Q xin ly hôn, chị nhất trí.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung như anh Q trình bày là đúng. Do con đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thống nhất, thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng, ông Nguyễn Văn S, bà Vũ Thị T1 trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Q, là bố chồng của chị Đ1. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại Đ, Lạng Sơn đến năm 2006 anh Q đi lao động tại Hàn Quốc, năm 2009 mẹ con chị Đ1 chuyển về nhà ông bà sinh sống, được một thời gian chị Đ1 nghi ngờ anh Q có người phụ nữ khác ở bên ngoài nên chị cũng đi lao động tại Đài Loan rồi lại về gia đình bà sinh sống. Hiện anh Q vẫn chưa về nước, vợ chồng chủ yếu sống xa cách mỗi người một nơi, nay

anh Q có đơn xin ly hôn, ông bà không mong muốn anh chị ly hôn, việc ly hôn là do anh chị tự quyết định.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh là em trai anh Q, anh Q đi lao động tại Hàn Quốc từ năm 2006 cho đến nay, anh có về phép một vài lần, chủ yếu vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, chị Đ1 có nghi ngờ tình cảm của anh Q nên vợ chồng có lời qua tiếng lại. Nay anh Q chưa có ý định về nước và xác định do sống ly thân thời gian quá dài nên tình cảm vợ chồng không còn, anh Q có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ1. Việc anh chị có đơn ly hôn, gia đình cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng do không còn tình cảm nên anh Q cương quyết xin ly hôn.

Người được anh Q ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh nhất trí nhận ủy quyền của anh Q, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho anh Q biết, anh Q vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho anh Nguyễn Văn Q ly hôn chị Nguyễn Thị Đ1; về con chung, tài sản chung: anh chị không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: Anh Q phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương, hiện anh đang sinh sống, làm việc tại **Hàn Quốc**; bị đơn chị Nguyễn Thị Đ1 có địa chỉ cư trú tại thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù anh Q không có mặt ở Việt Nam nhưng anh đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai và ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Đ nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này chưa được hợp pháp hóa lãnh sự hoặc xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của anh Q đối với các tài liệu này. Kết quả giám định cho thấy, chữ ký, chữ viết mang tên “Nguyễn Văn Q” trong các

tài liệu trên so với chữ ký, chữ viết mang tên “Nguyễn Văn Q” trong Hộ chiếu của anh Q là do cùng một người ký và viết ra. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà anh Q gửi về đúng là ý chí, nguyện vọng của anh. Anh Q và chị Đ1 đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Đ1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn ngày 22/11/2002 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời trình bày của anh Q, chị Đ1, có đủ cơ sở xác định trong cuộc sống, anh Q và chị Đ1 có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng sống xa cách trong khoảng thời gian 18 năm, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, chị Đ1 nghi ngờ anh có người phụ nữ khác, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, chị nhiều lần động viên anh về nước đoàn tụ cùng nuôi con nhưng anh không về, anh chị không còn liên và quan tâm đến nhau nữa, anh Q xin ly hôn, chị Đ1 nhất trí ly hôn. HĐXX thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị Đ1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, xử cho anh Q được ly hôn chị Đ1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Con chung của anh Q, chị Đ1 là Nguyễn Thu T, sinh ngày 26/11/2003 đã trưởng thành, anh chị không đề nghị nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q, chị Đ1 tự thống nhất thỏa thuận, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q, xử cho anh Nguyễn Văn Q ly hôn chị Nguyễn Thị Đ1.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0005118 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Lô Thị Lan H nộp thay), anh Q đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày; chị Nguyễn Thị Đ1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu